| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH HÀ**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2017
*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Hoàng Ngọc Thành.

Ông Nguyễn Thế Hanh.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20-11-2017; quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST - HNGĐ ngày 11-12-2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Q, sinh năm 1983 (có mặt).

ĐKHK: Đội 3, thôn B, xã M, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Nơi cư trú: Đội 8 thôn V, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

*2. Bị đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1982.

ĐKHK: Đội 3, thôn B, xã M, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Nơi cư trú: Đội 8 thôn V, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (anh T xin vắng mặt).

*3. Người người làm chứng*: Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1952; trú tại đội 8 thôn V, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 05-7-2017, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ, nguyên đơn chị Trương Thị Q trình bày*: Chị và anh Bùi Văn T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 06-12-2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T luôn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đã nhiều lần chị tha thứ và khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị sống ly thân gần một năm, không ai quan tâm đến ai, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 22-10-2003 và Bùi Ngọc A1, sinh ngày 22-7-2008; hiện nay hai con đang ở với bố; chị đề nghị sau ly hôn để hai con tiếp tục ở với anh T

Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung và công sức chị xác định không có.

*Tại biên bản ghi lời khai anh Bùi Văn T trình bày* về thời gian, nơi đăng ký kết hôn như chị Q trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Q luôn nghi ngờ anh bồ bịch trai gái bên ngoài dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt; sau đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nên anh là đàn ông cũng phải tìm người phụ nữ khác để chia sẻ. Nay chị Q xin ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung, tên tuổi các con như chị Q đã trình bày. Hiện tại hai con đang ở với anh; anh và chị Q thống nhất sau ly hôn các con tiếp tục ở với anh, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung anh cũng không yêu cầu giải quyết; nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình không có.

Do anh không có thời gian đến tòa, đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt anh.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 01-11-2017*, có sự chứng kiến của ông Bùi Văn T1 (là ông nội), cháu Bùi Ngọc A và cháu Bùi Ngọc A1 trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với bố.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 01-11-2017, ông Bùi Văn T1* (bố đẻ anh T) trình bày: Sau khi kết hôn năm 2002, cuộc sống vợ chồng anh T, chị Q thường xuyên xảy ra xô xát. Có nhiều lần căng thẳng khiến gia đình ông cũng mệt mỏi. Anh T chị Q đã sống ly thân và không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Q và giải quyết cho chị Q ly hôn anh T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không hòa giải được.

*Tại phiên tòa sơ thẩm* vắng mặt anh T, chị Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các nội dung như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Công nhận sự thuận tình ly hôn c a chị Q và anh T; giao 02 con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ anh T là bị đơn không có yêu cầu phản tố, có ý kiến xin xử vắng mặt. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 06-12-2002, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q, Hội đồng xét xử thấy: quá trình chung sống chị Q và anh T chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do chị Q nghi ngờ về sự không chung thủy của anh T dẫn đến tình cảm vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Anh chị đã sống ly thân gần một năm và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh chị đều nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn; Việc thống nhất ly hôn của anh chị phù hợp quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T, chị Q đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Ngọc A, sinh ngày 22-10-2003 và Bùi Ngọc A1, sinh ngày 22-7-2008, hiện nay hai con đang ở với anh T; để đảm bảo việc ăn ở sinh hoạt và học tập của con, anh chị thống nhất sau ly hôn anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi các con thành niên, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi các con. Xét thấy sự thống nhất của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân, gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con là muốn được ở với bố, cần công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị Q về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung, chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị đều xác định không có nợ chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

**Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Q và anh Bùi Văn T.

**Về quan hệ con chung**: Công nhận sự thỏa thuận của chị Q và anh T; sau ly hôn, anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Ngọc A, sinh ngày 22-10-2003 và Bùi Ngọc A1, sinh ngày 22-7-2008 đến khi các con chung thành niên; chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh T.

**Về án phí**: Chị Trương Thị Q phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số AB/2014/0001011 ngày 16-10-2017 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị Q đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

**Quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận***:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã M, Thanh Oai, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thúy**